

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.04001	Dương Ngọc	Anh	01.03.1984		2072220041	K12		
2	.04002	Đinh Ngọc	Anh	21.02.1987		2072220045	K12		
3	.04003	Đỗ Văn	Anh	01.10.2000		1852220031	K13 SPMT		
4	.04004	Nguyễn Hoàng Hoa	Anh	08.03.1998		1852210003	K13A SPAN		
5	.04005	Nguyễn Thị Hải	Anh	02.06.1995		1852210144	K13D SPAN		
6	.04006	Nguyễn Thị Phương	Anh	14.09.2000		1852210047	K13B SPAN		
7	.04007	Nguyễn Tuấn	Anh	16.10.1977		2072220002	K12		
8	.04008	Phạm Thị Lan	Anh	11.11.1999		1852210002	K13A SPAN		
9	.04009	Trần Thị Vân	Anh	08.10.2000		1852210141	K13D SPAN		
10	.04010	Trần Tuấn	Anh	19.06.2000		1852210046	K13B SPAN		
11	.04011	Vũ Hoàng Tú	Anh	11.08.1999		1752220026	K12 SPMT		
12	.04012	Hồ Ngọc	ánh	19.10.2000		1852210004	K13A SPAN		
13	.04013	Lê Ngọc	ánh	08.04.2000		1852210092	K13C SPAN		
14	.04014	Nguyễn Minh	ánh	26.10.2000		1852210048	K13B SPAN		
15	.04015	Nguyễn Thị	ánh	05.06.1988		2072220046	K12		
16	.04016	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	09.05.1999		1852210145	K13D SPAN		
17	.04017	Vương Thị	ánh	06.08.1981		2072220003	K12		
18	.04018	Nguyễn Quang	Ân	19.04.1976		2072220001	K12		
19	.04019	Lâm Văn	Bắc	18.09.1996		1852210094	K13C SPAN		
20	.04020	Mai Thị Thanh	Bình	19.10.1986		2072210001	K12 CDLT		
21	.04021	Nguyễn Diệp	Bình	21.06.2000		1852210148	K13D SPAN		
22	.04022	Nguyễn Thanh	Bình	27.10.2000		1852210095	K13C SPAN		
23	.04023	Trần Việt	Cao	26.08.2000		1852210050	K13B SPAN		
24	.04024	Hà Yến	Chi	09.09.2000		1852220001	K13 SPMT		
25	.04025	Nguyễn Thị Linh	Chi	16.02.1998		1852210183	K13D SPAN		
26	.04026	Chu Thị	Chiến	01.02.1980		2072220204	K2 TC SPMT		
27	.04027	Nguyễn Thị	Chín	16.08.1980		2072210021	K12 CDLT		
28	.04028	Nguyễn Chánh	Cương	20.05.2000		1852220002	K13 SPMT		
29	.04029	Nguyễn Đức	Cường	02.01.1979		2072220056	K12		
30	.04030	Nông Tiến	Cường	01.11.1999		1852210096	K13C SPAN		
31	.04031	Phạm Quốc	Cường	05.11.1997		2072210016	K12 CDLT		
32	.04032	Phan Chí	Cường	11.12.1996		2072210077	K12 CDLT		
33	.04033	Đỗ Kiều	Diễm	10.10.2000		1852220003	K13 SPMT		
34	.04034	Trần Thị	Diệu	13.01.2000		1852210007	K13A SPAN		
35	.04035	Đỗ Thị Kim	Dung	02.11.2000		1852210054	K13B SPAN		
36	.04036	Đỗ Thương	Dung	13.01.1980		2072220006	K12		
37	.04037	Nguyễn Thị	Dung	01.11.1985		2072210026	K12 CDLT		
38	.04038	Nguyễn Thị Kim	Dung	31.10.1976		2072220005	K12		

Tổng số 38 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất HỘI ĐỒNG THI

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.04039	Nguyễn Thị Phương	Dung	02.07.1982		2072220062	K12		
2	.04040	Nguyễn Thị Thanh	Dung	05.12.1982		2072220063	K12		
3	.04041	Nguyễn Thùy	Dung	15.02.2000		1852210151	K13D SPAN		
4	.04042	Trần Thanh	Dung	25.01.2000		1852210098	K13C SPAN		
5	.04043	Trần Thị Thùy	Dung	10.03.2000		1852210152	K13D SPAN		
6	.04044	Nguyễn Đắc	Duy	22.03.1982		2072220007	K12		
7	.04045	Cần Văn	Dương	12.01.1982		2072220064	K12		
8	.04046	Hoàng Nhật	Dương	07.11.1999		1852210055	K13B SPAN		
9	.04047	Ngô Thùy	Dương	08.05.1999		1852220004	K13 SPMT		
10	.04048	Nguyễn Thị	Dương	06.07.1985		2072210002	K12 CDLT		
11	.04049	Chu Thị	Đào	27.01.1982		2072220057	K12		
12	.04050	Trần Thị	Đào	03.02.1990		2072220058	K12		
13	.04051	Nguyễn Hồng	Đạt	04.08.1996		1852210052	K13B SPAN		
14	.04052	Đinh Hồng	Điệp	04.04.1981		2072220059	K12		
15	.04053	Nguyễn Ngọc	Định	01.01.1982		2072220060	K12		
16	.04054	Nguyễn Khắc	Đoàn	27.02.1978		2072220061	K12		
17	.04055	Nguyễn Thị	Đông	17.02.1980		2072220004	K12		
18	.04056	Vũ Mạnh	Đức	24.12.2000		1852210053	K13B SPAN		
19	.04057	Đặng Thị	Giang	09.02.1981		2072220113	K12		
20	.04058	Lê Thị	Giang	06.03.1986		2072220111	K12		
21	.04059	Phùng Thị	Giang	06.08.1987		2072220066	K12		
22	.04060	Hoàng Thị	Hà	20.10.1987		2072220067	K12		
23	.04061	Nguyễn Ngọc	Hà	27.11.1982		2072220051	K12		
24	.04062	Nguyễn Thị	Hà	19.07.2000		1852210153	K13D SPAN		
25	.04063	Nguyễn Thị Thu	Hà	05.10.1979		2072210027	K12 CDLT		
26	.04064	Phạm Thị	Hà	20.10.1983		2072220010	K12		
27	.04065	Đặng Thị Phương	Hải	25.08.1979		2072220040	K12		
28	.04066	Đặng Thị Thanh	Hải	08.12.2000		1852210101	K13C SPAN		
29	.04067	Nguyễn Thị Phương	Hải	29.09.1984		2072210003	K12 CDLT		
30	.04068	Khương Thị	Hạnh	15.09.1986		2072220068	K12		
31	.04069	Phạm Thị	Hạnh	14.07.1985		2072210032	K12 CDLT		
32	.04070	Trịnh Dương Mỹ	Hạnh	09.01.2000		1852210012	K13A SPAN		
33	.04071	Vũ Thị Mỹ	Hạnh	07.03.1981		2072210031	K12 CDLT		
34	.04072	Phạm Thị	Hảo	25.07.1978		2072220201	K2 TC SPMT		
35	.04073	Trương Văn	Hảo	04.12.2000		1852210185	K13D SPAN		
36	.04074	Lê Thị	Hàng	29.10.1999		1852220047	K13 SPMT		
37	.04075	Nguyễn Thị Thanh	Hàng	05.07.1996		2072220008	K12		
38	.04076	Nguyễn Thị Thúy	Hàng	05.09.2000		1852210011	K13A SPAN		

Tổng số 38 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
 Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG THI

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên	Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.04077	Trịnh Thị Diễm Hằng	17.10.2000		1852210154	K13D SPAN		
2	.04078	Bạch Thị Hậu	13.12.2000		1852220006	K13 SPMT		
3	.04079	Đỗ Thị Hậu	10.11.1977		2072220009	K12		
4	.04080	Nguyễn Thị Hiền	11.10.1992		2072220011	K12		
5	.04081	Nguyễn Thị Thu	24.08.1976		2072220069	K12		
6	.04082	Vũ Ngọc Thu	23.09.2000		1852220007	K13 SPMT		
7	.04083	Nguyễn Tiến Hiệp	03.10.2000		1852220042	K13 SPMT		
8	.04084	Nguyễn Tiến Hiếu	05.04.2000		1852210058	K13B SPAN		
9	.04085	Nguyễn Trung Hiếu	28.12.2000		1852210155	K13D SPAN		
10	.04086	Phạm Minh Hiếu	19.12.2000		1852210013	K13A SPAN		
11	.04087	Trần Thanh Hiếu	23.07.1982		2072210013	K12 CDLT		
12	.04088	Chu Thị Thanh Hoa	28.08.1987		2072220071	K12		
13	.04089	Nguyễn Thị Hoa	10.11.2000		1852210014	K13A SPAN		
14	.04090	Nguyễn Thị Hoa	08.02.1983		2072210074	K12 CDLT		
15	.04091	Nguyễn Thị Mai Hoa	01.01.1979		2072220012	K12		
16	.04092	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	20.08.2000		1852210104	K13C SPAN		
17	.04093	Phạm Thị Mai Hoa	15.12.1983		2072210019	K12 CDLT		
18	.04094	Tạ Thị Hoa	22.03.1978		2072220070	K12		
19	.04095	Trương Thị Hoa	25.05.1975		2072210017	K12 CDLT		
20	.04096	Trần Thị Hòa	09.03.1981		2072220072	K12		
21	.04097	Trần Thị Hoài	01.04.2000		1852210059	K13B SPAN		
22	.04098	Đào Thị Hoa Hồng	18.10.2000		1852210105	K13C SPAN		
23	.04099	Nguyễn Thị Hồng	16.07.2000		1852210157	K13D SPAN		
24	.04100	Phùng Thị Bích Hồng	14.11.1977		2072220073	K12		
25	.04101	Trần Thị Thu Hồng	04.12.2000		1852210015	K13A SPAN		
26	.04102	Đỗ Thị Huệ	26.11.1988		2072220050	K12		
27	.04103	Nguyễn Thị Huệ	21.02.1985		2072220075	K12		
28	.04104	Nguyễn Thị Huệ	20.03.1979		2072220013	K12		
29	.04105	Trương Thị Huệ	08.02.2000		1852210106	K13C SPAN		
30	.04106	Vũ Minh Huệ	22.07.1982		2072220074	K12		
31	.04107	Bùi Việt Hùng	10.04.1999		2072210005	K12 CDLT		
32	.04108	Cần Mạnh Hùng	23.06.1979		2072220076	K12		
33	.04109	Lương Quốc Huy	06.10.2000		1852210062	K13B SPAN		
34	.04110	Bùi Thị Huyền	17.03.1979		2072220080	K12		
35	.04111	Kiều Thị Ngọc Huyền	07.09.2000		1852210109	K13C SPAN		
36	.04112	Lưu Thị Huyền	08.11.2000		1852220008	K13 SPMT		
37	.04113	Nguyễn Ngọc Huyền	27.11.2000		1852210063	K13B SPAN		

Tổng số 37 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
 Các số báo danh vắng:.....

HỘI ĐỒNG THI**Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất****Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai**

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.04114	Nguyễn Thị Thảo	Huyền	24.05.1999		1852210161	K13D SPAN		
2	.04115	Phạm Thị Thanh	Huyền	08.11.1983		2072220081	K12		
3	.04116	Phùng Thị Thanh	Huyền	22.01.1979		2072210015	K12 CDLT		
4	.04117	Trần Diệu	Huyền	10.10.2000		1852210018	K13A SPAN		
5	.04118	Trần Thị	Huyền	01.06.1983		2072220079	K12		
6	.04119	Trần Duy	Huynh	01.08.1978		2072210043	K12 CDLT		
7	.04120	Nguyễn Văn	Hung	10.10.1993		1852210158	K13D SPAN		
8	.04121	Cung Thị	Hương	22.12.2000		1852210061	K13B SPAN		
9	.04122	Nguyễn Thị	Hương	01.11.1978		2072210040	K12 CDLT		
10	.04123	Nguyễn Thị Lan	Hương	21.10.1984		2072220078	K12		
11	.04124	Nguyễn Thị Thu	Hương	26.06.1983		2072220077	K12		
12	.04125	Phùng Thị Mai	Hương	20.09.1982		2072220205	K2 TC SPMT		
13	.04126	Trần Thị Thu	Hương	26.09.2000		1852210016	K13A SPAN		
14	.04127	Bùi Thị Bích	Hường	27.11.2000		1852210107	K13C SPAN		
15	.04128	Đinh Thị Thu	Hường	29.08.1992		2072220047	K12		
16	.04129	Bùi Quang	Khải	25.02.1992		2072220014	K12		
17	.04130	Đặng Quang	Khải	25.10.1998		1852220038	K13 SPMT		
18	.04131	Nguyễn Đoàn Anh	Khoa	08.03.2000		1852210162	K13D SPAN		
19	.04132	Nguyễn Phú	Kiên	08.07.1988		2072210201	K4 LTTC		
20	.04133	Lê Thị	Kim	23.03.1975		2072210007	K12 CDLT		
21	.04134	Đỗ Thị	Lan	19.05.1976		2072220082	K12		
22	.04135	Lê Thị Phương	Lan	06.07.1977		2072220083	K12		
23	.04136	Nguyễn Thị	Lan	02.01.1975		2072210018	K12 CDLT		
24	.04137	Hoàng Mạnh	Lâm	08.10.2000		1852220009	K13 SPMT		
25	.04138	Nguyễn Thị Thu	Lập	03.01.1976		2072210044	K12 CDLT		
26	.04139	Bùi Hoa	Lê	17.06.1983		2072210008	K12 CDLT		
27	.04140	Lê Hồng	Liên	18.08.1972		2072210045	K12 CDLT		
28	.04141	Nguyễn Thị	Liên	30.06.1987		2072220084	K12		
29	.04142	Tạ Thị	Liên	08.12.2000		1852210064	K13B SPAN		
30	.04143	Trần Thị	Liên	10.04.1997		1852210110	K13C SPAN		
31	.04144	Đinh Thị Thu	Linh	15.04.2000		1852220011	K13 SPMT		
32	.04145	Nguyễn Thị Thùy	Linh	15.12.1986		2072220206	K2 TC SPMT		
33	.04146	Nguyễn Thị Thùy	Linh	29.12.1996		1852210164	K13D SPAN		
34	.04147	Phạm Hà	Linh	11.07.2000		1852210163	K13D SPAN		
35	.04148	Phạm Thùy	Linh	16.07.2000		1852210020	K13A SPAN		
36	.04149	Trịnh Khánh	Linh	09.05.2000		1852210065	K13B SPAN		
37	.04150	Vũ Trúc	Linh	09.04.1996		2072220015	K12		

Tổng số 37 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất **HỘI ĐỒNG THI**

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.04151	Lã Thị Bích	Loan	09.11.1983		2072220086	K12		
2	.04152	Tạ Thị	Loan	09.02.1988		2072220085	K12		
3	.04153	Bùi Hoàng	Long	04.04.1977		2072220087	K12		
4	.04154	Nguyễn Đức	Long	25.03.2000		1852220013	K13 SPMT		
5	.04155	Nguyễn Văn	Long	14.11.2000		1852210066	K13B SPAN		
6	.04156	Nguyễn Các	Luận	04.04.1989		2072220016	K12		
7	.04157	Bùi Khắc	Lương	20.04.1976		2072220088	K12		
8	.04158	Hà Thị	Lựu	03.02.1976		2072220089	K12		
9	.04159	Liễu Thị	Ly	17.12.1985		2072220202	K2 TC SPMT		
10	.04160	Nguyễn Hương	Ly	27.08.2000		1852210022	K13A SPAN		
11	.04161	Nguyễn Thị Phương	Mai	24.08.1997		1852210067	K13B SPAN		
12	.04162	Kiều Văn	Mạnh	17.12.1982		2072220017	K12		
13	.04163	Nguyễn Tiến	Mạnh	21.05.1999		1852210023	K13A SPAN		
14	.04164	Lại Thị Hồng	Minh	30.03.1993		2072210203	K4 LTTC		
15	.04165	Nguyễn Thị Hồng	Minh	14.10.1984		2072220090	K12		
16	.04166	Trần Công	Minh	02.01.2000		1852210024	K13A SPAN		
17	.04167	Trần Tuấn	Minh	09.08.2000		1852210069	K13B SPAN		
18	.04168	Vũ Lê	Minh	25.12.1982		2072220018	K12		
19	.04169	Nguyễn Thị	Mý	07.06.1977		2072220019	K12		
20	.04170	Đinh Thị	Mỹ	01.01.1985		2072210202	K4 LTTC		
21	.04171	Khuất Ngọc	Mỹ	14.03.2000		1852210070	K13B SPAN		
22	.04172	Nguyễn Hải	Nam	12.01.1997		1852210117	K13C SPAN		
23	.04173	Trần Trung	Nam	21.03.2000		1852210169	K13D SPAN		
24	.04174	Đỗ Thị	Nga	03.11.1987		2072220043	K12		
25	.04175	Đỗ Thị Quỳnh	Nga	15.10.2000		1852210118	K13C SPAN		
26	.04176	Nguyễn Thị	Nga	11.11.1984		2072210049	K12 CDLT		
27	.04177	Tạ Thị Thanh	Nga	23.03.1978		2072220091	K12		
28	.04178	Giang Thị Kim	Ngân	22.02.1977		2072220048	K12		
29	.04179	Nguyễn Thu	Ngân	12.09.1999		1852210025	K13A SPAN		
30	.04180	Lương Minh	Nghĩa	20.02.1998		1852210072	K13B SPAN		
31	.04181	Dương Đức	Ngọc	03.12.1980		2072220092	K12		
32	.04182	Lương Thị	Ngọc	01.05.1988		2072210051	K12 CDLT		
33	.04183	Nguyễn Thị	Ngọc	05.09.1974		2072210052	K12 CDLT		
34	.04184	Nguyễn Hạnh	Nguyên	27.04.2000		1852220032	K13 SPMT		
35	.04185	Nguyễn Minh	Nguyệt	04.01.1988		2072220203	K2 TC SPMT		
36	.04186	Phạm Thanh	Nhàn	11.10.2000		1852210073	K13B SPAN		
37	.04187	Trần Thị	Nhàn	20.05.2000		1852210026	K13A SPAN		

Tổng số 37 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất **HỘI ĐỒNG THI**

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.04188	Phạm Thị Yến	Nhi	10.10.1999		1852220017	K13 SPMT		
2	.04189	Đặng Kiều	Nhung	29.01.1992		2072210054	K12 CDLT		
3	.04190	Đặng Thị Tuyết	Nhung	25.10.1999		1852210074	K13B SPAN		
4	.04191	Đinh Hồng	Nhung	22.06.2000		1852210120	K13C SPAN		
5	.04192	Đinh Hồng	Nhung	23.05.1984		2072210055	K12 CDLT		
6	.04193	Đoàn Thị Hồng	Nhung	20.09.1984		2072220207	K2 TC SPMT		
7	.04194	Đường Thị Phi	Nhung	17.04.2000		1852210027	K13A SPAN		
8	.04195	Lê Thị Phương	Nhung	29.12.1986		2072220112	K12		
9	.04196	Nguyễn Thị	Nhung	06.10.1977		2072220055	K12		
10	.04197	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	05.11.1980		2072220093	K12		
11	.04198	Trần Thị Quỳnh	Như	26.10.1992		2072220020	K12		
12	.04199	Phạm Thị	Ninh	01.08.2000		1852210028	K13A SPAN		
13	.04200	Bùi Thị Kiều	Oanh	08.08.1983		2072220021	K12		
14	.04201	Nguyễn Thị	Phúc	28.09.1991		2072220054	K12		
15	.04202	Nguyễn Khắc	Phùng	15.06.1978		2072220094	K12		
16	.04203	Lê Thảo	Phương	02.11.2000		1852210030	K13A SPAN		
17	.04204	Nguyễn Hồng	Phương	22.08.1982		2072220095	K12		
18	.04205	Nguyễn Thị Nhã	Phương	23.07.1993		2072210010	K12 CDLT		
19	.04206	Nguyễn Hồng	Phượng	29.09.1976		2072220023	K12		
20	.04207	Nguyễn Thị	Phượng	18.07.1986		2072220022	K12		
21	.04208	Nguyễn Thị Thu	Phượng	03.11.1976		2072220024	K12		
22	.04209	Phạm Thị Ngọc	Phượng	03.08.1996		1852210076	K13B SPAN		
23	.04210	Dương Văn	Quang	02.06.2000		1852210077	K13B SPAN		
24	.04211	Đặng Thị	Quý	22.09.1978		2072220025	K12		
25	.04212	Đặng Thị	Quyên	11.10.1978		2072220026	K12		
26	.04213	Nguyễn Ngân	Quỳnh	30.11.1987		2072220096	K12		
27	.04214	Nguyễn Như	Quỳnh	31.07.1999		1852210123	K13C SPAN		
28	.04215	Phạm Ngọc	Quỳnh	28.11.1991		2072220027	K12		
29	.04216	Trần Thị Hương	Quỳnh	05.10.2000		1852210031	K13A SPAN		
30	.04217	Ngô Thị Thu	Sang	06.11.1988		2072220097	K12		
31	.04218	Doãn Minh	Sơn	26.12.1986		2072220053	K12		
32	.04219	Nguyễn Văn	Sơn	09.01.1999		1752220022	K12 SPMT		
33	.04220	Nguyễn Đức	Tài	05.03.2000		1852210079	K13B SPAN		
34	.04221	Nguyễn Văn	Tài	07.09.1999		1852210032	K13A SPAN		
35	.04222	Đặng Thị	Tâm	05.01.1997		1852210033	K13A SPAN		
36	.04223	Nguyễn Thị Hồng	Thanh	18.12.1985		2072220028	K12		

Tổng số 36 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất **HỘI ĐỒNG THI**

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.04224	Nguyễn Thị Phương	Thanh	12.01.1988		2072220098	K12		
2	.04225	Nguyễn Huy	Thành	08.07.1993		2072220029	K12		
3	.04226	Hà Phương	Thảo	25.12.2000		1852210034	K13A SPAN		
4	.04227	Hồ Thị	Thảo	20.04.2000		1852210080	K13B SPAN		
5	.04228	Kim Thị Phương	Thảo	12.12.1995		2072220030	K12		
6	.04229	Lưu Thị Phương	Thảo	29.12.2000		1852220021	K13 SPMT		
7	.04230	Nguyễn Phương	Thảo	16.06.2000		1852220018	K13 SPMT		
8	.04231	Nguyễn Phương	Thảo	07.06.2000		1852210174	K13D SPAN		
9	.04232	Nguyễn Thị	Thảo	16.02.1984		2072220099	K12		
10	.04233	Nguyễn Thị Phương	Thảo	04.05.1999		1852210127	K13C SPAN		
11	.04234	Nguyễn Vũ Minh	Thảo	25.07.2000		1852220020	K13 SPMT		
12	.04235	Phạm Thị Phương	Thảo	27.11.2000		1852210302	K5 SPAN MN		
13	.04236	Nguyễn Văn	Thắng	08.11.1977		1872210017	K2 TC #H		
14	.04237	Ngô Thanh	Thiệt	01.10.1978		2072220039	K12		
15	.04238	Vũ Thị	Thim	10.04.2000		1852210175	K13D SPAN		
16	.04239	Lê Thị	Thoa	22.02.1983		2072220100	K12		
17	.04240	Tạ Thị	Thoa	16.06.1986		2072220031	K12		
18	.04241	Nguyễn Thị	Thông	23.07.1975		2072210061	K12 CDLT		
19	.04242	Phùng Thị	Thơm	10.08.1987		2072220101	K12		
20	.04243	Nguyễn Thị	Thu	15.03.1996		2072210073	K12 CDLT		
21	.04244	Nguyễn Thị	Thuy	04.09.1992		2072220032	K12		
22	.04245	Lê Thị Anh	Thúy	04.05.1985		2072220042	K12		
23	.04246	Nguyễn Thị	Thúy	09.07.1984		2072210065	K12 CDLT		
24	.04247	Nguyễn Thị Phương	Thùy	31.10.1984		2072220033	K12		
25	.04248	Lê Phương	Thủy	23.05.2000		1852220022	K13 SPMT		
26	.04249	Lục Thanh	Thủy	26.04.1985		2072210011	K12 CDLT		
27	.04250	Nguyễn Thị	Thủy	30.01.1981		2072220102	K12		
28	.04251	Đinh Thị Hà	Tiên	08.11.2000		1852210081	K13B SPAN		
29	.04252	Vũ Xuân	Tiến	27.12.1973		2072220034	K12		
30	.04253	Nguyễn Thị Kim	Tỏa	20.05.2000		1852220023	K13 SPMT		
31	.04254	Nguyễn Văn	Toàn	05.09.2000		1852210082	K13B SPAN		
32	.04255	Nguyễn Thị	Trà	11.03.2000		1852210130	K13C SPAN		
33	.04256	Cao Thị Quỳnh	Trang	22.11.2000		1852210179	K13D SPAN		
34	.04257	Hà Thu	Trang	17.05.1994		1752210115	K12C_SPAN		
35	.04258	Hoàng Thị	Trang	07.02.1999		1852210132	K13C SPAN		

Tổng số 35 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG THI

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên	Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.04259	Hoàng Thu Trang	26.05.2000		1852220046	K13 SPMT		
2	.04260	Lê Thị Trang	04.02.2000		1852220024	K13 SPMT		
3	.04261	Lê Thị Huyền Trang	06.11.2000		1852220025	K13 SPMT		
4	.04262	Lê Thị Thu Trang	17.05.2000		1852210084	K13B SPAN		
5	.04263	Nguyễn Huyền Trang	17.09.2000		1852210177	K13D SPAN		
6	.04264	Nguyễn Thị Thu Trang	14.02.2000		1852210131	K13C SPAN		
7	.04265	Nguyễn Thị Vân Trang	21.09.1999		1752210156	K12D_SPAN		
8	.04266	Phan Nữ Thùy Trang	25.04.1984		2072210069	K12 CDLT		
9	.04267	Tạ Thị Trang	27.09.1979		2072220104	K12		
10	.04268	Trần Thị Trang	09.11.1999		1852210178	K13D SPAN		
11	.04269	Trần Thu Trang	21.08.2000		1852210037	K13A SPAN		
12	.04270	Trịnh Thị Trang	29.08.2000		1852210083	K13B SPAN		
13	.04271	Nguyễn Đức Trọng	23.10.2000		1852210038	K13A SPAN		
14	.04272	Hoàng Thị Ngọc Tú	04.09.1986		2072220052	K12		
15	.04273	Trần Quốc Tuấn	01.09.1983		2072220106	K12		
16	.04274	Vũ Anh Tuấn	19.05.1994		1852210086	K13B SPAN		
17	.04275	Trần Thị Tuyết	27.11.1974		2072220107	K12		
18	.04276	Bùi Thị Tư	23.10.1975		2072220105	K12		
19	.04277	Ngô Thị Phương Uyên	14.11.2000		1852210135	K13C SPAN		
20	.04278	Nguyễn Thị Lan Uyên	16.09.1999		1852210087	K13B SPAN		
21	.04279	Chu Thị Vân	15.09.1983		2072220208	K2 TC SPMT		
22	.04280	Hoàng Thị ánh Vân	19.01.1999		1752220030	K12 SPMT		
23	.04281	Nguyễn Phong Vân	23.07.1972		2072210014	K12 CDLT		
24	.04282	Nguyễn Thị Hồng Vân	28.01.1978		2072220035	K12		
25	.04283	Nguyễn Thị Tường Vi	02.09.2000		1852220027	K13 SPMT		
26	.04284	Nguyễn Trọng Việt	16.03.2000		1852210181	K13D SPAN		
27	.04285	Nguyễn Văn Vinh	08.05.1993		1852210182	K13D SPAN		
28	.04286	Đặng Văn Vũ	12.07.1998		1752210118	K12C_SPAN		
29	.04287	Đào Việt Vương	08.12.1978		2072220036	K12		
30	.04288	Lê Thị Tường Vy	16.06.2000		1852210044	K13A SPAN		
31	.04289	Nguyễn Thị Xuân	14.01.2000		1852210090	K13B SPAN		
32	.04290	Nguyễn Thị Thanh Xuân	29.06.1987		2072220108	K12		
33	.04291	Trần Thị Xuân	15.03.2000		1852220033	K13 SPMT		
34	.04292	Phương Thị Xuyên	08.05.1980		2072220109	K12		
35	.04293	Lại Thị Xuyên	29.01.1986		2072220038	K12		
36	.04294	Đào Thị Như ý	20.03.1983		2072210072	K12 CDLT		
37	.04295	Địch Thị Hồng Yến	22.12.1977		2072220037	K12		
38	.04296	Khuất Hoàng Yến	23.10.1988		2072220110	K12		

Tổng số 38 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
 Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG THI

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai